

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày: 19-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Linh Chi
2. Ông Đỗ Hữu Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 649/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976
Địa chỉ: Số A Lô B đường C, KP3, phường D, quận G, Thành phố H
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Minh T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Số I đường K, phường L, Quận M, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Nguyên đơn cho bị đơn là ông Nguyễn Trần Minh T vay 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 13 tháng 10 năm 2018; ngày 15 tháng 11 năm 2018; đến nay không trả. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 13 tháng 10 năm 2018; ngày 15 tháng 11 năm 2018.

- Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt

hợp lệ thông báo thụ lý vụ án,...

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Trần Minh T cư trú tại Số 1 đường K, phường L, Quận M, Thành phố H. Theo Kết quả xác minh ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Công an phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú nên địa chỉ Số 1 đường K, phường L, Quận M, Thành phố H được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo Giấy vay tiền ngày 13 tháng 10 năm 2018, bị đơn vay 100.000.000 đồng của a. Tâm, thời hạn vay 03 tháng và Giấy vay tiền ngày 15 tháng 11 năm 2018, bị đơn vay 100.000.000 đồng của anh Tâm, thời hạn vay 03 tháng; Người vay tiền đã nhận đủ tiền và ký tên.

[4] Theo Kết luận giám định số 4910/C09B ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ viết mang tên “Minh Trí”, chữ ký đúng tên Nguyễn Trần Minh T dưới mục “Ký tên” trên “Giấy vay tiền”, ngày 15 tháng 11 năm 20... (ký hiệu A1); chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Trần Minh T dưới mục “Ký tên” trên “Giấy vay tiền”, ngày 13 tháng 10 năm 20... (ký hiệu A2) so với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đúng tên Nguyễn Trần Minh T trên các tài liệu ký hiệu M1, M2, M3 (nêu tại mục II.2) là do cùng một người viết và ký ra.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày hai Giấy vay tiền ngày 13 tháng 10 năm 20...; ngày 15 tháng 11 năm 20... không ghi cụ thể năm nhưng nguyên đơn xác định đã cho bị đơn vay hai khoản tiền này vào năm 2018 với thời hạn vay lần lượt là 03 tháng và 01 tháng thì đến thời điểm nguyên đơn nộp

đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2019 và ngày Tòa án xét xử vụ án, thời hạn vay đã hết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả hai khoản nợ này. Ngoài ra, trong hai giấy vay tiền ghi “có mượn của a. Tâm”, nguyên đơn khẳng định “a. Tâm” này là nguyên đơn – Ông Nguyễn Thanh T và thực tế hiện nay nguyên đơn đang giữ bản chính của hai giấy vay tiền này.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[7] Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cho bị đơn vay 200.000.000 đồng theo hai Giấy vay tiền ngày 13 tháng 10 năm 2018 và ngày 15 tháng 11 năm 2018. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả 200.000.000 đồng nợ gốc phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T

Buộc ông Nguyễn Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T 200.000.000 đồng còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 13 tháng 10 năm 2018 và ngày 15 tháng 11 năm 2018.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh T 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007841 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Minh